

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 XÃ NA TÔNG










BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN - 2022

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 XÃ NA TÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Thị Vân	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Hoàng Thị Lệ Hằng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Triệu Thùy Chinh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Lường Thị Bình	Tổ trưởng tổ mẫu giáo đơn	Thư ký hội đồng	
5	Vì Thị Ngân	Tổ Trưởng tổ nhà trẻ	Thư ký nhóm 1	
6	Quàng Thị Nhung	Giáo viên	Thư ký nhóm 2	
7	Lò Thị Hương	Tổ trưởng tổ mẫu giáo ghép	Thư ký nhóm 3	
8	Lò Thị Biên	Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	
9	Trần Thị Thúy Hồng	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN MỨC 1, 2 và 3	14
Tiêu chuẩn1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	31

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	41
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	42
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	45
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	47
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	48
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	50
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	54
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	55
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	60
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	60

Mở đầu	60
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	61
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	63
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	65
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	70
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	HĐND	Hội đồng nhân dân
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
6	CBQL,GV,NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x

Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1 và 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non số 1 xã Na Tông.

Tên trước đây (nếu có): Trường mầm non số 2 xã Mường Nhà.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Thị Vân
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0914420030
Xã / phường/thị trấn	Na Tông	Fax	
Đạt CQG	Đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1	Website	www.http://mnso1natong
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	QĐ số 1697/QĐ-UBND ngày 30/7/2009	Số điểm trường	4
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	3	3	4	2	4
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	2	1	1	2	1
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	1	2	1
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	5	5	5	5	5
Cộng	12	11	11	11	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	10	9	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	

2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	4	4	4	4	4	
V	Các công trình, Khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng	24	23	23	23	23	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	1	0	0	2	
Giáo viên	18	18	16	0	2	16	
Nhân viên	2	2	1	1	0	1	
Cộng	23	22	18	1	1	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	21	20	22	21	18
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên(đối với nhóm trẻ)	15,75	15	10,4	16,5	10,6
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	13,4	12,75	12,42	11,25	14,6
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	6	7	3	3	6
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1	0	0	0	0
7	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	291	264	251	246	240	
	- Nữ	153	139	121	115	103	
	- Dân tộc thiểu số	289	260	247	240	235	
2	Đối tượng chính sách	223	201	178	180	180	
3	Khuyết tật	1	1	1	1	1	
4	Tuyển mới	65	53	77	45	40	
5	Học buổi/ngày ²	291	264	251	246	240	
6	Bán trú	291	264	251	246	240	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	25,3	24	22,8	22,8	21,8	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	21,0	20	20	20	20	
9	- Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	16	14	13	21	23	
	- Trẻ em từ 25-36 tháng tuổi	47	46	64	45	41	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	68	54	53	75	48	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	81	69	51	52	74	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	79	81	70	53	54	
10	- Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

5. Các số liệu khác: Không

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non số 1 xã Na Tông được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 08 năm 2009, được chia tách từ trường mầm non xã Mường Nhà. Nhà trường được xây dựng tại bản Na Tông 1, xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, trường có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Na Tông, Phòng giáo dục và đào tạo Huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có tổng số 23 CBQL, giáo viên, nhân viên (trong đó cán bộ quản lý 03 đồng chí, có 03 tổ chuyên môn với 18 giáo viên và 01 tổ văn phòng với 02 nhân viên). Nhà trường có 10/18 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó Giáo viên dạy giỏi cấp trường 10 đồng chí; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 06 đồng chí; giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 0 đồng chí).

Nhà trường có 11 nhóm, lớp với 240 học sinh, trong đó có 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 64 học sinh; 01 lớp mẫu giáo bé với 26 học sinh; 01 lớp mẫu giáo nhỡ với 26 học sinh; 01 lớp mẫu giáo lớn với 22 học sinh; 04 lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi với 106 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và chăm sóc - giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt kế hoạch đề ra, đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường mầm non số 1 xã Na Tông đã có những bước phát triển về mọi mặt: Nhiều năm liên trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng của nhà trường, ngày 01/11/2014 nhà trường đã được UBND tỉnh Điện Biên ra quyết định số 862/QĐ-UBND công nhận trường mầm non số 1 xã Na Tông đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng

chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, đề xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01-02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt cấp độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non số 1 xã Na Tông có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường. Đa số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học hai buổi/ngày, toàn trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ, đầy đủ theo quy định. Hàng năm xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đội ngũ. Giáo viên nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường. Định kỳ được nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, đúng theo năng lực sở trường của từng đồng chí, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có đơn thư khiếu nại. Đảm bảo tốt an ninh trật tự vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và kế hoạch theo từng năm học; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Hàng năm phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và thực hiện niêm yết trên bảng tin công khai của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng được các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường; tổ chức xây dựng phương hướng, chiến

lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết trên bảng tin. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo, tiếp tục tăng cường các giải pháp xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường cho những giai đoạn tiếp theo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.	CBQL	Xây dựng các giải pháp chiến lược phát triển của nhà trường trong năm học và cho những giai đoạn tiếp theo. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	
Công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để đạt hiệu quả cao hơn.	CBQL	Trang thông tin điện tử của trường, phòng GD&ĐT.	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường gồm có 08 thành viên; Hội đồng thi đua khen thưởng có 08 thành viên; Hội đồng chấm sáng kiến có 05 thành viên; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường có 05 thành viên; Hội đồng tự đánh giá trường mầm non gồm 10 thành viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 18, điều 19 của văn bản Hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 quyết định Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Các Hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

Các Hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Hội đồng nhà trường gồm 09 thành viên được thành lập theo Quyết định số 2868/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên về việc Thành lập Hội đồng trường mầm non số 1 xã Na Tông nhiệm kỳ 2021-2026

Hội đồng trường thực hiện tốt về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đảm bảo theo quy định; có kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2026 và kế hoạch hoạt động năm học 2022-2023 phù hợp với điều kiện thực tế, các mục tiêu cụ thể về các mặt giáo dục, quy

mô trường lớp, chất lượng đội ngũ, chất lượng các tổ chức đoàn thể, chất lượng thi đua đều mang tính khả thi và đảm bảo chiều hướng phát triển.

Nhà trường thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường đúng quy định. Thường xuyên giám sát về công tác tài chính, chế độ ăn của học sinh, kiểm tra việc thực hiện sáng kiến, kiểm tra chuyên môn, kiểm tra công tác cải cách hành chính... Các hoạt động đều có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm kiện toàn các đoàn thể trong nhà trường.	CBQL, các cấp.	Các quyết định thành lập.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng.	Các chủ tịch hội đồng và các thành viên.	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Chi bộ đảng độc lập gồm 10 đảng viên; có tổ chức công đoàn gồm 23 công đoàn viên, Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm có 20 đoàn viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và của cấp trên [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được Đảng ủy xã Na Tông đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường, được lãnh đạo các cấp công nhận và tặng giấy khen [H1-1.3-04].

Mức 3:

Hàng năm tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản và trong những năm qua luôn được Đảng ủy xã Na Tông đánh giá Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-04].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, mang lại hiệu quả trong cao trong quá trình hoạt động [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Trường có tổ chức, các đoàn thể và tổ chức khác như: Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định, làm tốt công tác tham mưu, tích cực hoạt động phối kết hợp nhà trường tổ chức các hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2022 - 2023 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	CBQL, các cấp.	Các quyết định thành lập.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	CBQL, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng theo quy định tại điều 16, 17 Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-01].

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có 04 tổ, trong đó có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, cơ cấu của mỗi tổ đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn đều có tổ trưởng, tổ phó. Tổ văn phòng có 01 tổ trưởng (Tổ mẫu giáo đơn: 6 thành viên; tổ mẫu giáo ghép: 07 thành viên; Tổ nhà trẻ 6 thành viên, tổ văn phòng: 05 thành viên) [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào các chuyên đề được triển khai trong năm học và tình hình thực tế của đội ngũ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Các tổ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề lồng ghép giới, biến đổi khí hậu, lồng ghép tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường Tiếng Việt... [H1-1.4-05].

Hằng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06].

Hằng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2007 Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ đối với trường hạng 1. Nhà trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Định kỳ 2 lần/năm nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn, tư vấn điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện của trường, lớp. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định là 2 lần/tháng. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định.	CBQL	Các quyết định thành lập.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức các hoạt động có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ.	CBQL, tổ trưởng.	Phân công nhiệm vụ, nội quy.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi và theo lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2022 - 2023, trường có 11 nhóm, lớp trong đó: 04 nhóm trẻ 24-36 tháng, 01 lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi, 01 lớp mẫu giáo 4 -5 tuổi, 01 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi, 4 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.3-02];

Các năm học không quá 02 trẻ em cùng dạng khuyết tật học cùng một nhóm, lớp. Năm học 2022-2023 trường có 1 học sinh khuyết tật học hoà nhập [H1-1.5-02].

Mức 2

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá số lượng trẻ theo quy định. Năm học 2022-2023 nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 240 trẻ, trong đó: : 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 64 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi với 26 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 4 -5 tuổi 26 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 22 trẻ, 4 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi 106 trẻ [H1-1.5-01].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Từ năm học 2019 đến năm học 2022-2023 trường đều duy trì 11 nhóm lớp; năm học 2022 - 2023 nhà trường có 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 240 trẻ, trong đó: : 04 nhóm trẻ 24-36 tháng với 64 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi với 26 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 4 -5 tuổi 26 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 22 trẻ, 4 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi 106 trẻ [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định số lượng lớp và học sinh phân chia độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% trẻ ở các lớp được tổ chức học bán trú 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Tích cực hơn nữa trong công tác tham mưu, sắp xếp trường lớp đảm bảo theo quy định	CBQL	Phân công nhiệm vụ	Năm học 2022- 2023 và các năm học tiếp theo	
Nhà trường đảm bảo mỗi nhóm lớp không quá 02 trẻ cùng một dạng khuyết tật.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch chiêu sinh	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản lý chuyên môn; hồ sơ quản lý trẻ em; hồ sơ quản lý nhân sự; hồ sơ quản lý bán trú; hồ sơ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; sổ lưu trữ các văn bản, công văn [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Hằng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]. [H1-1.6-05].

Mức 2:

Trong những năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; tài chính và tài sản sử dụng phần mềm Misa của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, có sử dụng một số phần mềm phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-02]; [H1-1.6-08].

Mức 3:

Trong 05 năm qua nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: hồ sơ quản lý tài sản; hồ sơ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý bán trú; Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật lưu trữ. Thực hiện tốt việc UDCNTT trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định

hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2023, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; sử dụng đất đai được cấp đúng mục đích; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục chỉ đạo làm tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện năm học tiếp theo	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.	CBQL	Kế hoạch trung hạn, dài hạn về tài chính.	Trong năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.1-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.7-01].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

100% CBQL,GV,NV được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 37 Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ GD&ĐT như: được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ chính sách quy định; được bảo vệ nhân phẩm danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-04].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL,GV,NV. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL,GV,NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chuẩn chức danh, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.6-02]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực và điều kiện hoàn cảnh của từng người; đã sử dụng nhiều biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2022 - 2023 và những năm học tiếp theo tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ	CBQL, tổ trưởng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

CBQL,GV,NV đạt hiệu quả cao.				
Thường xuyên rà soát các nội dung để điều chỉnh kịp thời. Quán triệt thực hiện tốt việc tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch về nội dung bồi dưỡng của nhà trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL,GV,NV.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL,GV,NV theo quy định.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn nội dung bài dạy phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.8-

01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt giải cao [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện địa phương, thực tế của nhà trường và nhận thức của học sinh. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt kết quả các hội thi của trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo Ban giám hiệu tích cực chỉ đạo giáo viên làm tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai có hiệu quả phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

		hoạch kiểm tra nội bộ.		
--	--	------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Quy chế dân chủ trong nhà trường hằng năm được thực hiện tốt. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ phương hướng nhà trường, hệ thống các giải pháp, các Nội quy, quy định như: Quy chế dân chủ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy chế ứng xử trường học, quy chế chuyên môn... các quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Trong những năm qua nhà trường thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-04].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội

hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.3-05]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được trú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2022 - 2023 và những năm học tiếp theo nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	
Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường theo quy định.	CBQL, các đoàn thể.	Quy chế hoạt động các đoàn thể.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận,

xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án phòng cháy, chữa cháy; Phương án an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường; Nhà trường có tổ chức bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.6-02]; [H1-1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng cháy, chữa cháy (Phòng chống cháy nổ); phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.6-02].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong năm học 2022 – 2023 và những năm học tiếp theo.	CBQL	Phương án: phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, được UBND xã Na Tông và phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt. Được công bố công khai và niêm yết tại bảng tin của nhà trường.

Hội đồng nhà trường được UBND huyện Diên Biên thành lập nhiệm kỳ 2021-2026 và kế hoạch hoạt động các năm học. Nhà trường thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường đúng quy định.

Nhà trường có các tổ chức như Chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội CMHS tổ chức hoạt động theo quy định. Các tổ chức đoàn thể đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hàng năm Chi bộ tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Xếp loại đảng viên, chi bộ theo quy định.

Trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Nhà trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Định kỳ 2 lần/năm nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn, tư vấn điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện của trường, lớp. Thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định là 2 lần/tháng. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Trẻ được phân chia theo 2 loại hình lớp đơn và lớp ghép. Trẻ được tổ chức học 2 buổi/ngày. Nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập và có không quá 02 trẻ cùng dạng khuyết tật/ lớp. Số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm 2022, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp trong nhà trường.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. Thực hiện tốt các chế độ đối với CBGV, NV. Chi lương và các khoản phụ cấp, các chế độ khác theo quy định đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo chuyên môn được xây dựng cụ thể theo năm, tháng, tuần, ngày phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định.

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường. Hàng năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng GD&ĐT đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế nhà trường đã xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch

Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường: xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ tại trung tâm và các điểm trường. Nhà trường Có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và 02 đồng chí phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hàng năm. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 8 năm, các phó hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 12 năm trở lên. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-06].

Hàng năm, Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Điện Biên đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt từ khá trở lên [H2-2.1-01].

Hàng năm cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp... [H2-2.1-02].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng mức khá trở lên [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác cán bộ quản lý luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng được Phòng giáo dục và đào tạo đánh giá ở mức tốt và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá mức tốt trở lên [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Hàng năm Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt mức khá trở lên.

3. Điểm yếu: Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng chưa có năm nào đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Cán bộ quản lý.	Đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	
Hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng học tập để nâng cao nghiệp vụ tay nghề và năng lực quản lý, phân đấu được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt	Hiệu trưởng	Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng.	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng số 18 giáo viên, tỷ lệ 1,63 giáo viên/lớp, số lượng giáo viên đủ theo quy định 06/2015/TTLT-BGDĐT-BTV ngày 16/03/2015 [H1-1.6-06].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó 88.8% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn [H1-1.6-06]

Hàng năm nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 94,4% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, còn 5,6% giáo viên được đánh giá ở mức đạt, trong đó có 33% giáo viên được đánh giá ở mức tốt [H1-1.6-06].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên, trong đó 91% giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H1-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 95,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, còn 4,2% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt [H1-1.6-06].

Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-03].

Mức 3:

Nhà trường có 88,8% giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn, 11,2% giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn [H1-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 95,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, còn 4,2% giáo viên được đánh giá ở mức đạt, trong đó có 33% giáo viên được đánh giá ở mức tốt [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 88,8% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Nhà trường có 95,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 33 đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Cán bộ quản lý, Giáo viên.	Thông tư 26 chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	
Tạo điều kiện cho 02 giáo viên có trình độ đạt chuẩn tham gia các lớp bồi dưỡng nâng chuẩn	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, thăm lớp dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 05 nhân viên gồm: 01 kế toán, 01 bảo vệ, 01 y sĩ hợp đồng, ngoài ra nhà trường còn hợp đồng 02 nhân viên nấu ăn ngắn hạn. Số lượng nhân viên đủ theo quy định, đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Các đồng chí nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7-02].

Nhân viên trong trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định, hằng năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 07 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 68 và hợp đồng ngắn hạn (do thỏa thuận với phụ huynh) theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 [H1-1.6-06]; [H2-2.3-01].

100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp, hằng năm nhân viên bảo vệ và nhân viên nấu ăn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và có chứng chỉ nghề nấu ăn [H1-1.6-06]; [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên y tế, nhân viên phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015. Nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân. Nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn. 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Nhà trường tiếp tục tham mưu duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên	Kế hoạch tham mưu.	Trong năm học và các năm học tiếp theo
Trong năm học nhà trường tiếp tục có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế.	Nhân viên y tế	Kế hoạch tham mưu.	Trong năm học và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm. Trong 05 năm liên tục đến thời điểm được đánh giá, Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng từ khá trở lên. 95% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Hằng năm 94,4% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên.

Có đủ số lượng nhân viên theo quy định. Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Giáo viên và nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc

làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng chăm sóc giáo dục, mua sắm trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây và hàng rào lưới B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng đa chức năng, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1.Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 5.838,5m², bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (22,1m²/trẻ) [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại điều 7 Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường xây và hàng rào thép B40 bao quanh được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng. Có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 1.629m² (chiếm 27,9%); diện tích sân vườn cây xanh sân chơi bãi tập là 4.209,5 m² (chiếm 72,1%) đảm bảo theo quy định [3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường đều có tường xây và có hàng rào thép B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập (Như vườn cây học tập, bé với cây xanh, bé chơi với cát và nước...) [3.1-02].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, có hàng rào chắn an toàn [3.1-02]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Trung tâm và các điểm trường có sân vườn, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi

ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [3.1-02]; [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây, hàng rào thép B40 bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 1/5 điểm trường có tường bao là hàng rào thép B40 đã xuống cấp (Hin Phon).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường phát huy những điểm mạnh và tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, UBND xã Na Tông tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường, xây tường bao tại điểm trường Hin Phon, Na Hươm đảm bảo quy định.	CBQL, GV, NV Các đơn vị kết nghĩa, Đoàn thanh niên xã.	Kinh phí, kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất.	Năm học 2022-2023 xây tường bao điểm Hin Phon, sân điểm Na Ó	68.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động

giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng học/11 nhóm, lớp (trong đó 04 phòng cho nhóm trẻ 25- 36 tháng; 07 phòng cho lớp mẫu giáo) [3.2-01].

Nhà trường có 11 phòng sinh hoạt chung, có phòng ngủ đối với nhóm trẻ và mẫu giáo; 5/5 điểm trường có khu để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật 60m² trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, gióng múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ [3.2-01]; [H1-1.6-03].

Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [3.2-01]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đảm bảo theo quy định. Thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật và khu giáo dục thể chất đạt chuẩn theo quy định để tổ chức các hoạt động thể chất và nghệ thuật với nhiều các thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc, đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [3.2-01]; [H1-1.6-03].

Nhà trường có 11/11 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.2-01]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng riêng cho trẻ làm quen với tin học, chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ [3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, có phòng ngủ riêng, có đủ chăn, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và khắc phục những điểm yếu.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường		
- Xây dựng kế hoạch lộ trình làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để xây dựng phòng ngủ cho trẻ tại điểm Hin Phon, phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ.	CBQL	Kế hoạch XHHGD; Tờ trình	Trong năm học và các năm tiếp theo	150.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo

an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: có 01 văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng và phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; có 2 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên; khu để [3.3-01].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, tranh ảnh tuyên truyền và đồ dùng theo dõi sức khỏe; phòng hành chính quản trị; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu [3.3-01]; [H1-1.6-03].

Trung tâm trường có khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, các điểm trường có khu để xe giành cho giáo viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.3-01].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 43m²; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính có diện tích 20m²; phòng bảo vệ có diện tích 9m²; phòng dành cho nhân viên, phòng y tế đều có diện tích 18m², các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định tại Điều lệ trường mầm non [3.3-01]; [H3-3.1-04].

Khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 25m², các điểm trường được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe giáo viên [3.3-01].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường [3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên và đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	CBQL, GV,NV	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm 2022-2023 và các năm học tiếp theo	10.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng bán kiên cố, đảm bảo theo quy định bếp ăn một chiều [3.4-01].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [3.4-01]; [H3-3.4-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.4-01]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Nhà trường có bếp ăn đảm bảo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non tại văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015 với tổng diện tích 115m², bình quân trên trẻ là 0,43 m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, nhà ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [3.4-01]; [H1-1.6-03]; [H3-3.4-04].

Mức 3:

Bếp ăn được xây dựng độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi. Dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 115m², bình quân trên trẻ là 0,43 m²/trẻ. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn; Khu chia thức ăn có cửa mở trực tiếp với hành lang chung để tới các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non TCVN 3907: 2011 [3.4-01]; [H1-1.6-03]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng bán kiên cố và hoạt động theo quy trình một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực. Bếp ăn có đủ diện tích theo quy định, thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Bếp ăn được xây dựng độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi. Dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 115m², bình quân trên trẻ là 0,43 m²/trẻ. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn; Khu chia thức ăn có cửa mở trực tiếp với hành lang chung để tới các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non TCVN 3907: 2011

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, huy động kinh phí từ mọi nguồn để mua sắm, bổ sung, tu sửa trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ nhà bếp.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình	Đầu năm học 2022 – 2023.	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-03].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.6-03].

Các thiết bị của nhà trường hằng năm được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [H1-1.6-03].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H1-1.6-03]; [H3-3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non 11/11 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học [H1-1.6-03].

Hằng năm nhà trường được phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại văn bản hợp nhất số 01/NBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm lớp làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [H1-1.6-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản,	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao; Danh mục ĐDDC	Đầu năm, cuối năm học các năm	

ĐDDC, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.				
Làm tốt công tác tham mưu với các cấp và công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời cho các khu.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tham mưu; Tờ trình...	Năm 2022-2023 và các năm học tiếp theo	
Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều ĐDDC sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.	Năm 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo	
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm 2022-2023 và trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo, phân thành khu vệ sinh

nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.6-02]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng [3.6-02]; [H3-3.4-04].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo 0,4 m²/trẻ, có vòi nước rửa tay, có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái, bể có nắp đậy; có vòi rửa tay và ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên 30m² có khu riêng dành cho nam và nữ, thiết kế xây dựng phù hợp cảnh quan đảm bảo vệ sinh môi trường [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống nước sạch nông thôn mới, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [H3-3.4-04]; [H3-3.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non, phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL.	Kinh phí	Trong năm học 2022-2023.	10.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2022 - 2023.	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập.

Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính - quản trị bảo đảm đủ diện tích, được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp.

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường và xã hội luôn được nhà trường chú trọng quan tâm bởi đây là lực lượng quan trọng giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với

nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua nhà trường cũng đã chủ động phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài xã hội để xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan môi trường sư phạm an toàn thân thiện góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường gồm: 01 Hội trưởng, 03 Hội phó, 07 ủy viên và Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhóm, lớp [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-03].

Trong năm học, Ban đại diện cha mẹ trẻ triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhóm, lớp phối hợp có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Kết hợp với nhà trường trong các tổ chức các hoạt động huy động trẻ ra lớp, chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến

pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới cha mẹ trẻ như: chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo... [H1-1.1-03]; [H4-4.1-03].

Mức 3:

Trong năm học 2022-2023 Ban đại diện cha mẹ trẻ đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ... [H1-1.1-03]; [H1-1.6-02]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ trẻ đề ra.	CBQL, Giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ.	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	
Chọn cử những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng giao tiếp để tuyên truyền vận động tới cộng đồng về công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường mầm non tham gia Ban đại diện cha mẹ trẻ. Điều chỉnh quy chế hoạt động	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	

của Ban đại diện cha mẹ trẻ hàng năm cho phù hợp.				
Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian họp lý khi tổ chức các buổi họp để cha mẹ học sinh có mặt đầy đủ. Xây dựng kế hoạch để giáo viên chủ nhiệm phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh và các hoạt động giáo dục của nhà trường.	CBQL, Giáo viên	Kế hoạch họp cha mẹ trẻ.	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí : Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế

hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như công tác tuyển sinh trẻ, mở rộng đất và tu sửa cơ sở vật chất các điểm trường [H4-4.2-01].

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày... [H1-1.1-03]; [H1-1.6-02].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường [H1-1.1-03]; [H1-1.6-02]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.6-02]; [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như đoàn thanh niên, phụ nữ, công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như ngày 20/11, 8/3, 20/10, ngày hội đến trường của bé, các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H1-1.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường đã được công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 5 năm (từ năm 2018 – 2023) [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt và hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	
Phối kết hợp hài hòa các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh hơn.	CBQL, giáo viên, Ban đại diện cha mẹ trẻ	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.	Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và huy động các nguồn lực để tu sửa cơ

sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non; Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức-Trí-Thể-Mỹ.

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng thấp còi để có hướng khắc phục hồi phục phòng chống suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sỹ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Chương trình giáo dục quốc gia theo Thông tư 28/2016/TT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, ban giám hiệu và cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường, trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng Chương trình giáo dục của các lớp và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch [H1-1.8-01].

Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành được nhà trường phát triển thực hiện phù hợp với quy định chuyên môn, với điều kiện thực tế của nhà trường như: Chỉ đạo giáo viên căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT Chương trình của nhà trường ban hành lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp, nhận thức của học sinh, triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua hội đồng thẩm định, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng và đánh giá trẻ cuối độ tuổi [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch và đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục với điều kiện nhà trường, do Bộ GD&ĐT ban hành chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với điều kiện của nhóm lớp, văn hóa của địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục quốc gia triển khai đưa vào thực hiện đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương [H5-5.1-01].

Hàng năm vào các đợt sơ kết, tổng kết năm học nhà trường có tổng kết, đánh giá lại việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.6-02]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh:

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, chỉ đạo các nhóm lớp xây dựng theo kế hoạch giáo dục mầm non, phát triển Chương trình do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn phòng giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn phòng giáo dục và đào tạo, các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường có định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ. Hàng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường chưa tham khảo chương trình của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu làm tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo, của nhà trường	Trong năm học và các năm tiếp theo	
Tham khảo và áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học và các năm tiếp theo	

giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường		theo Chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo, của nhà trường		
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo, của nhà trường	Trong năm học và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường, không áp đặt dập khuôn máy móc [H1-1.1-03];[H1-1.8-02];[H5-5.1-01].

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm [H1-1.1-03].

Giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Tổ chức cho trẻ trải nghiệm, vui chơi, học tập, lao động tự phục vụ...[H1-1.8-02].

Mức 2:

Các nhóm, lớp trong nhà trường đã tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ đạt mục tiêu kế hoạch đề ra bằng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với từng độ tuổi và nhu cầu của trẻ cũng như điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương [H1-1.1-03];[H1-1.8-02].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi" [H1-1.1-03];[H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường đã xây dựng; đã tích cực tôn tạo cảnh quang môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với điều kiện thực tế. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo giáo viên xây dựng và triển khai áp dụng có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	

Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục nhà trường của các lớp	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Na Tông tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 94,8% trở lên. Kết quả theo dõi sự phát

triển của trẻ tính đến thời điểm tháng 12 năm học 2022 - 2023: Cân nặng: Kênh bình thường chiếm 94,8%, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 4%, suy dinh dưỡng thể nặng chiếm 1,2%; Chiều cao: Kênh bình thường chiếm 96%, suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 2,3%. Suy dinh dưỡng thể nặng chiếm 1,7%; suy dinh dưỡng thể gầy còm chiếm 1,3%. Béo phì chiếm 0%. Có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 850-960 Kcalo, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên đã quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-05].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng. Nhà trường không có trẻ béo phì. Trẻ được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp như: Có kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 2022 - 2023 so với đầu năm học: Thể nhẹ cân giảm mức độ nặng 2 học sinh giảm: 1,2 %, SDD thể nhẹ cân giảm được 18 học sinh tỷ lệ 7,2%. Thể thấp còi mức độ nặng tăng 1 học sinh tỷ lệ tăng là 0,3%. Thể thấp còi mức độ nhẹ giảm 26 học sinh tỷ lệ giảm được là 10,2% [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hàng ngày [H5-5.3-04].

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn tại trường gồm một bữa ăn chính và một bữa phụ, trẻ nhà trẻ gồm một bữa chính và hai bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2017 (Điều chỉnh lại điểm d, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT) [H5-5.3-06].

Làm tốt công tác chỉ đạo cán bộ y tế và giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, nhà trường không có trẻ béo phì. Nhà trường đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 2022 - 2023 so với đầu năm học: Thể nhẹ cân giảm mức độ nặng 2 học sinh giảm: 1,2 %, SDD thể nhẹ cân giảm được 18 học sinh tỷ lệ 7,2%. Thể thấp còi mức độ nặng tăng 1 học sinh tỷ lệ tăng là 0,3%. Thể thấp còi mức độ nhẹ giảm 26 học sinh tỷ lệ giảm được là 10,2% [H5-5.3-05].

Mức 3:

Năm học 2022-2023 chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ đạt trên 94,8% trở lên [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tình trạng suy dinh dưỡng tính từ đầu năm đến cuối năm học bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 96 %; cân nặng phát triển bình thường đạt 94,8%. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 2022 - 2023 so với đầu năm học: Trẻ nhẹ cân giảm mức độ nặng 2 học sinh giảm:0,6%, SDD thể nhẹ cân giảm được 18 học sinh tỷ lệ 7,2%. Trẻ thấp còi mức độ nặng tăng 1 học sinh tỷ lệ tăng 1 học sinh tỷ lệ tăng là 0,3%. Trẻ thấp còi mức độ nhẹ giảm 26 học sinh tỷ lệ giảm được là 10,2%

3. Điểm yếu:

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 4%, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân nặng 1,2% và thấp còi mức độ nhẹ là 2,3%, thấp còi mức độ nặng chiếm 1,7%, suy dinh dưỡng thể gầy còm: 1,3%. Béo phì: 0%.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng là 3,4%(đầu năm học 2022-2023)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho trẻ.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Na Tông.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo	
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, có chế độ ăn hợp lý đối với trẻ bị thừa cân, béo phì.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch bán trú kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	

Phối kết hợp với cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng chăm sóc	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	
Tham khảo tài liệu về nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, nâng cao hiệu quả các buổi tuyên truyền với nội dung đa dạng phong phú.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch truyền thông	Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp, tỷ lệ chuyên cần trẻ toàn trường tính đến tháng 12/2022 đạt 97,9%, trẻ 5 tuổi đạt 98 % [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03]

Hằng năm, nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá của nhà trường có tổng số trẻ 54 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-02].

Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ [H5-5.4-04]

Mức 2:

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần trẻ toàn trường tính đến tháng 12/2022 đạt 97,9%, trẻ 5 tuổi đạt 98 % [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

Hằng năm 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ [H5-5.4-04]

Mức 3:

Qua các năm học số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ [H5-5.4-04]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thu hút tỷ lệ trẻ đến trường cao, tỷ lệ chuyên cần trẻ toàn trường tính đến tháng 12/2022 đạt 97,9%, trẻ 5 tuổi đạt 98 %. Số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%. Các trẻ khuyết tật giáo dục hòa nhập đều được quan tâm, có hồ sơ giáo dục cá nhân và được đánh giá là có tiến bộ 100%.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo huy động trẻ ra lớp đảm	Cán bộ quản lý, giáo viên, y	Dựa vào số lượng học sinh tại	Trong năm học	

bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.	tế	trường, số trẻ khuyết tật học hòa nhập.		
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Dựa vào số lượng học sinh tại trường, số trẻ khuyết tật học hòa nhập.	Trong năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ, do đó kết quả chăm sóc - giáo dục trẻ của nhà trường luôn đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 94%, không có trẻ béo phì. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần 98%, hàng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

Đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động. Nhà trường đã làm tốt công tác phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng. Hàng năm số trẻ suy dinh dưỡng đều giảm so với năm trước. Không có trẻ béo phì. Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá của nhà trường đã diễn ra liên tục, bền bỉ, với sự đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình: Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí; Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan, phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 15
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4.

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non số 1 xã Na Tông - Huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức 2. Đề nghị công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trên đây là báo cáo công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non số 1 xã Na Tông – Huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên./.

Na Tông, ngày 14 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Vân